

CHƯƠNG 4

PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

GV:

Email:

CHƯƠNG 4

Khái quát về pháp luật hành chính

Khái niệm
luật hành chính, cơ quan
hành chính nhà nước

Đối tượng điều chỉnh,
phương pháp điều

Quan hệ pháp luật hành chính

Khái niệm và đặc điểm

Thành phần của quan hệ
pháp luật hành chính

Pháp luật xử lý vi phạm hành

Vi phạm hành chính

Xử phạt vi phạm hành
chính

Các biện pháp
xử lý hành chính
(SV tự nghiên cứu)

Khái quát về khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng

Khiếu nại, tố cáo

Các hành vi tham nhũng

Tổ tụng hành chính

Thẩm quyền Tòa án

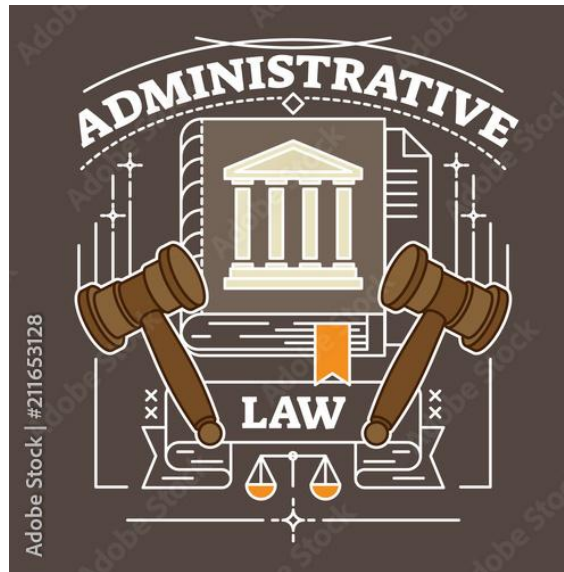
Khởi kiện và
thời hiệu khởi kiện

Các giai đoạn giải quyết
vụ án hành chính

4.1. Khái quát về pháp luật hành chính

4.1.1. Khái niệm Luật hành chính

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh



4.1. Khái quát về pháp luật hành chính

4.1.1. Khái niệm Luật hành chính

❖ Khái niệm Luật hành chính

Luật hành chính là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình:

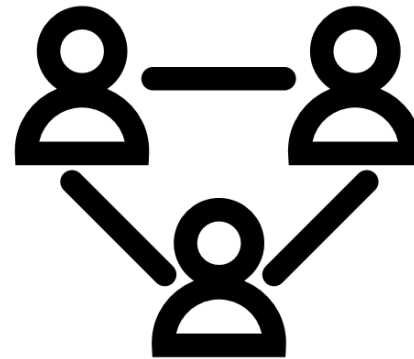
- Hoạt động quản lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước;
- Các cơ quan nhà nước xây dựng và ổn định chế độ công tác nội bộ của mình;
- Các cơ quan, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện hoạt động quản lý hành chính đối với các vấn đề cụ thể do pháp luật quy định.

4.1. Khái quát về pháp luật hành chính

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh luật hành chính

❖ Đối tượng điều chỉnh

- Khái niệm: Đối tượng điều chỉnh của luật hành chính Việt Nam là những quan hệ pháp luật hành chính, đó là những quan hệ xã hội chủ yếu và cơ bản hình thành trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước được các quy phạm pháp luật hành chính điều chỉnh.



4.1. Khái quát về pháp luật hành chính

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh luật hành chính

❖ Phương pháp điều chỉnh:

- **Khái niệm:** Phương pháp điều chỉnh là cách thức mà nhà nước áp dụng trong việc điều chỉnh bằng pháp luật để tác động vào các quan hệ xã hội.
- Phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính là **phương pháp mệnh lệnh** được hình thành từ quan hệ “*quyền lực - phục tùng*” giữa một bên có quyền nhân danh Nhà nước ra những mệnh lệnh bắt buộc đối với bên kia là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có nghĩa vụ phục tùng các mệnh lệnh đó.

4.1. Khái quát về pháp luật hành chính

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh luật hành chính

❖ Thể hiện của phương pháp “quyền uy - phục tùng”

- Quan hệ giữa một bên có mệnh lệnh bắt buộc bên kia thực hiện; hoặc một bên đưa ra yêu cầu kiến nghị bên còn lại xem xét giải quyết.
- Một bên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc đối tượng phải thực hiện mệnh lệnh của mình.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.1. Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính

4.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật hành chính



4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.1. Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính

❖ Khái niệm quan hệ pháp luật hành chính:

- Quan hệ pháp luật hành chính là hình thức pháp lý của các quan hệ xã hội mang *tính chất chấp hành và điều hành* xuất hiện trên cơ sở sự điều chỉnh của quy phạm pháp luật hành chính (QPPLHC) tương ứng đối với quan hệ đó mà các bên tham gia quan hệ (các chủ thể) đều mang những quyền và nghĩa vụ mà quy phạm đó đã dự kiến trước.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.1. Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính

❖ Khái niệm quan hệ pháp luật hành chính:

- Quan hệ pháp luật hành chính chỉ xuất hiện khi đồng thời tồn tại **ba điều kiện**:

- + Tồn tại QPPLHC điều chỉnh quan hệ quản lý tương ứng.
- + Xuất hiện sự kiện pháp lý.
- + Tồn tại các chủ thể cụ thể.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.1. Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính

❖ Đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính:

- (1) Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên tham gia QHPLHC luôn gắn liền với hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước.
- (2) QHPLHC có thể phát sinh do yêu cầu hợp pháp của bất kỳ bên nào, sự thỏa thuận của bên kia không phải là điều kiện bắt buộc phải có.
- (3) Trong QHPLHC bao giờ cũng có ít nhất một chủ thể mang quyền lực nhà nước, nhân danh Nhà nước và để thực hiện quyền lực nhà nước.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.1. Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính

❖ **Đặc điểm quan hệ pháp luật hành chính:**

(4) Phần lớn các tranh chấp phát sinh trong QHPLHC được giải quyết theo một trình tự, thủ tục của pháp luật hành chính hoặc của tòa án hành chính.

(5) Bên vi phạm trong QHPLHC phải chịu trách nhiệm pháp lý trước nhà nước.



4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật hành chính

❖ Chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính

- **Khái niệm:** chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính là các cá nhân, cơ quan, tổ chức có năng lực chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định pháp luật hành chính.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật hành chính

- Chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính bao gồm:
 - + Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - + Cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước.
 - + Cá nhân, cơ quan, tổ chức không thuộc bộ máy nhà nước nhưng được nhà nước uỷ quyền thực hiện những công việc quản lý xã hội.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật hành chính

❖ Khách thể của quan hệ pháp luật hành chính

- **Khái niệm:** Khách thể của quan hệ pháp luật hành chính là những trật tự quản lý Nhà nước trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, là mục tiêu mà các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật hành chính hướng đến.
- Khách thể của quan hệ pháp luật có thể là những giá trị **vật chất** cũng như những giá trị **phi vật chất**.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật hành chính

❖ Nội dung của quan hệ pháp luật hành chính

Quyền chủ thể

- **Khái niệm:** Quyền chủ thể trong quan hệ pháp luật là khả năng của các cá nhân, tổ chức tham gia quan hệ đó được quy phạm pháp luật quy định trước và được nhà nước bảo vệ bằng sự cưỡng chế.

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật hành chính

❖ Nội dung của quan hệ pháp luật hành chính

Nghĩa vụ pháp lý

- **Khái niệm:** Nghĩa vụ pháp lý là cách xử sự bắt buộc được quy phạm pháp luật xác định trước mà một bên của quan hệ pháp luật đó phải tiến hành nhằm đáp ứng quyền chủ thể của bên kia.

4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.1. Vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

4.3.3. Các biện pháp xử lý hành chính (SV tự nghiên cứu)

4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.1. Vi phạm hành chính

- **Khái niệm:** Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.



4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.1. Vi phạm hành chính

Các dấu hiệu pháp lý của vi phạm hành chính

- Khách thể: xâm hại đến trật tự quản lý hành chính nhà nước đã được pháp luật hành chính quy định và bảo vệ.
- Mặt khách quan: hành vi vi phạm và hậu quả và mối quan hệ nhân quả, thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm.
- Chủ thể: các tổ chức, cá nhân có năng lực trách nhiệm hành chính theo quy định pháp luật hành chính
- Mặt chủ quan: lỗi, mục đích, động cơ.

4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.1.3. Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính (SV tự nghiên cứu)

-Khái niệm: Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức phải chịu TNHS (Khoản 3 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

- Bao gồm: Giáo dục tại xã phường, thị trấn; Đưa vào trường giáo dưỡng; Đưa vào cơ sở giáo dục; Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

- **Khái niệm:** Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.



4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

❖ Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

- *Mọi vi phạm* hành chính phải được *phát hiện, ngăn chặn* kịp thời và phải bị *xử lý* nghiêm minh, *mọi hậu quả* do vi phạm hành chính gây ra phải được *khắc phục* đúng quy định pháp luật.
- Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định.
- Việc xử phạt vi phạm hành chính phải *căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả* vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

❖ Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính (VPHC)

- Chỉ xử phạt VPHC khi có hành vi VPHC do pháp luật quy định:

+ *Một hành vi VPHC chỉ bị xử phạt một lần.*

+ *Nhiều người* cùng thực hiện một hành vi VPHC thì *mỗi người vi phạm đều bị xử phạt* về hành vi VPHC đó.

+ *Một người* thực hiện *nhiều hành vi VPHC* hoặc VPHC *nhiều lần* thì bị xử *phạt về từng hành vi vi phạm*, trừ trường hợp hành vi VPHC nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng;

4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

❖ Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính (VPHC)

- *Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh* vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính;
- Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì *mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân*.

4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

❖ Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

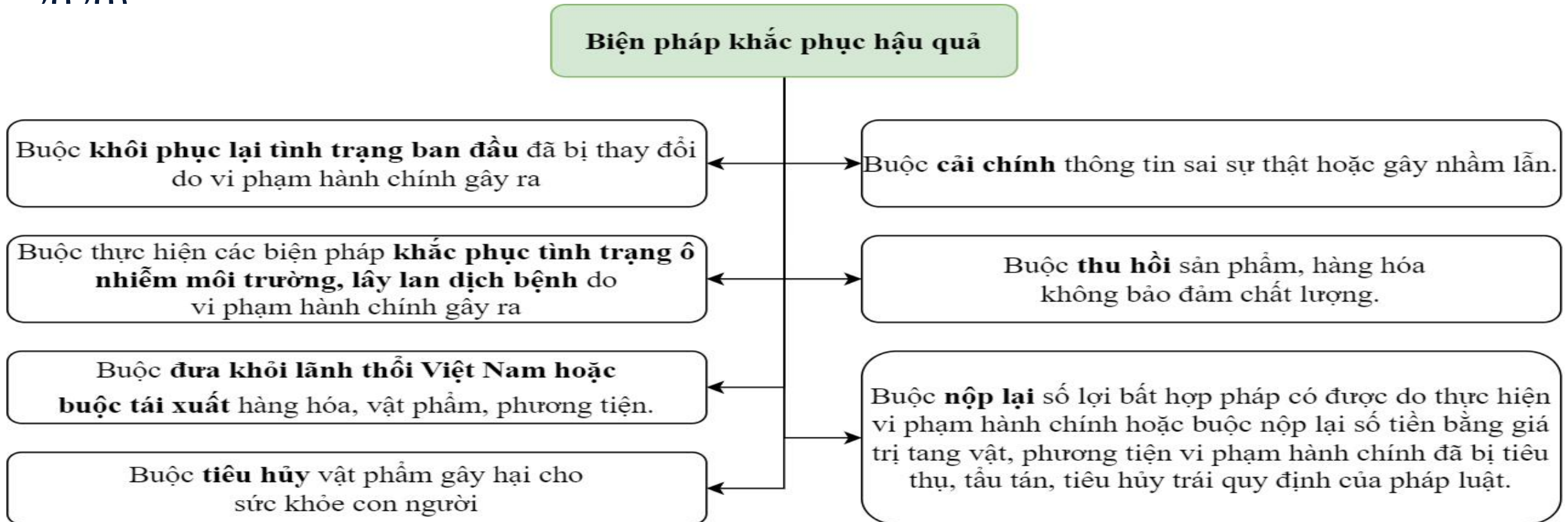
- (1) Cảnh cáo;
- (2) Phạt tiền;
- (3) Trục xuất;
- (4) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- (5) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.



4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

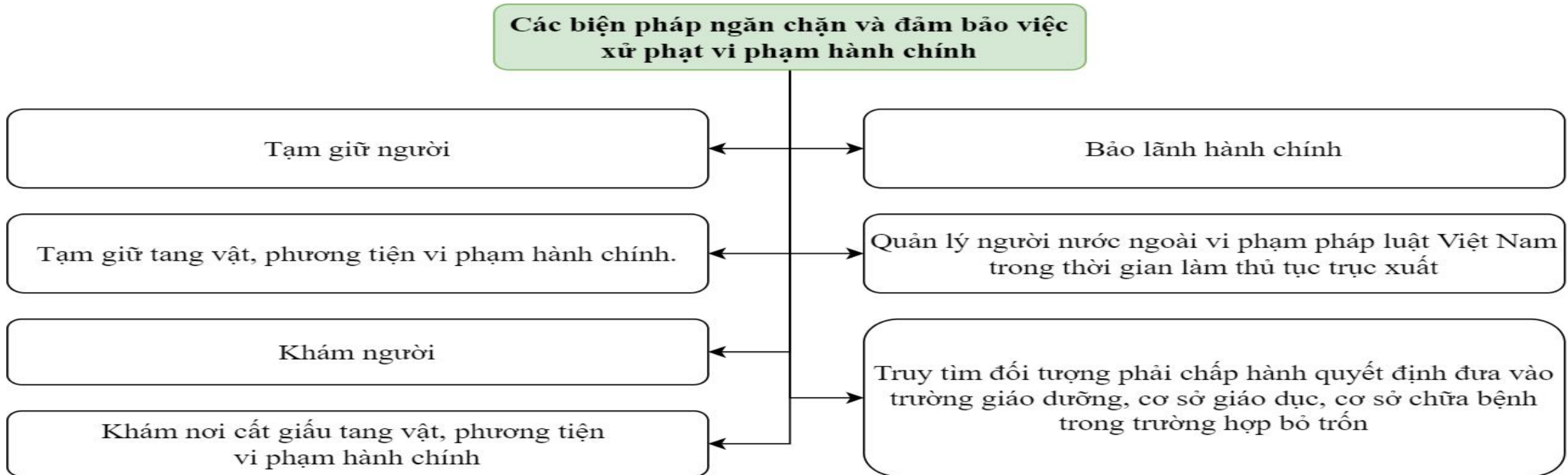
Một số biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 28 Luật XLVPHC 2012 sửa đổi 2020)



4.3. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính

4.3.2. Xử phạt vi phạm hành chính

Một số biện pháp (Điều 119 Luật XLVPHC 2012 sửa đổi 2020)



4.4. Khái quát về khiếu nại, tố cáo và pháp luật phòng chống tham nhũng

4.4.1. Khiếu nại, tố cáo

4.4.2. Các hành vi tham nhũng



4.4. Khái quát về khiếu nại, tố cáo và pháp luật phòng chống tham nhũng

4.4.1. Khiếu nại, tố cáo

❖ Khái niệm:

- ***Khiếu nại*** là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định, ***đề nghị*** cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ***xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính*** của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ***hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức*** khi có căn cứ ***cho rằng*** quyết định hoặc hành vi đó là ***trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình*** (Khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011).

4.4. Khái quát về khiếu nại, tố cáo và pháp luật phòng chống tham nhũng

4.4.1. Khiếu nại, tố cáo

❖ Khái niệm:

- ***Tố cáo*** là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật này báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về ***hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân*** nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm:

- + Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.
- + Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

4.4. Khái quát về khiêu nại, tố cáo và pháp luật phòng chống tham nhũng

4.4.2. Các hành vi tham nhũng

- **Khái niệm:** Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi (nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng).
- Bao gồm: hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước và hành vi tham nhũng ngoài nhà nước như: tham ô tài sản, nhận hối lộ,... (Điều 2 Luật Phòng chống tham nhũng)
- Hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước: Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; Giả mạo trong công tác vì vụ lợi;...
- Hành vi tham nhũng ngoài khu vực nhà nước: Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

4.4. Khái quát về khiếu nại, tố cáo và pháp luật phòng chống tham nhũng

4.4.2. Các hành vi tham nhũng

❖ Các hành vi bị nghiêm cấm:

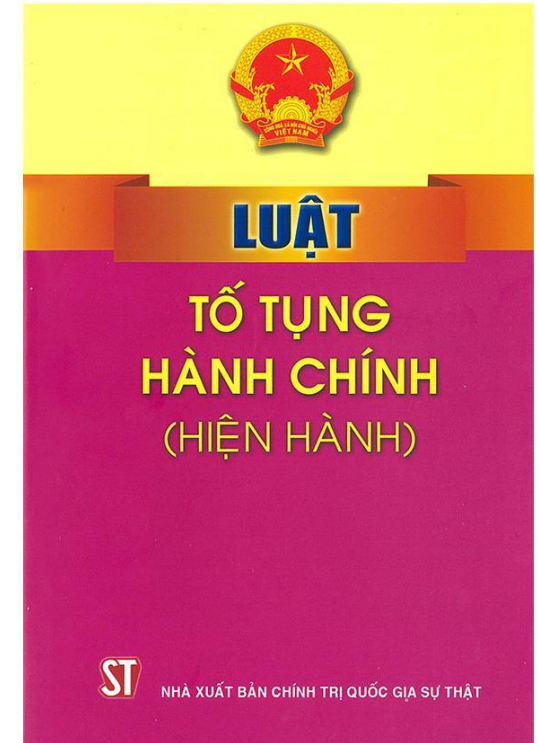
- Các hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 Luật phòng, chống tham nhũng.
- Đe dọa, trả thù, trù dập; tiết lộ thông tin về người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.
- Lợi dụng việc phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng để vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.
- Bao che hành vi tham nhũng; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.1. Thẩm quyền của Tòa án

4.5.2. Khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

4.5.3. Các giai đoạn giải quyết vụ án hành chính



4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.1. Thẩm quyền của Tòa án

❖ Thẩm quyền theo vụ việc khiếu kiện hành chính (Điều 30 Luật TTHC)

(1) Quyết định hành chính, hành vi hành chính trừ các trường sau:

- Thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo quy định pháp luật;
- Của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính, xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng;
- Mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.1. Thẩm quyền của Tòa án

- (2) *Khiếu kiện quyết định kỷ luật* buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống.
- (3) *Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại* về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước.
- (4) *Khiếu kiện danh sách cử tri.*

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.1. Thẩm quyền của Tòa án

❖ Thẩm quyền theo cấp Tòa án và theo lãnh thổ

(1) Tòa án nhân dân cấp huyện giải quyết các khiếu kiện sau:

- Khiếu kiện QĐHC, HVHC của cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở xuống trên cùng phạm vi địa giới hành chính và người có thẩm quyền thuộc cơ quan đó (trừ một số trường hợp luật quy định khác);
- Khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức từ cấp huyện trở xuống trên cùng phạm vi địa giới hành chính với tòa án đối với công chức thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó;
- Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên cùng phạm vi địa giới hành chính với tòa án.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.1. Thẩm quyền của Tòa án

❖ Thẩm quyền theo cấp Tòa án và theo lãnh thổ

(2) **Toà án nhân dân cấp tỉnh:** Theo quy định Điều 32 Luật TTHC

Lưu ý: Trong trường hợp cần thiết, *Toà án cấp tỉnh có thể lấy lên* để giải quyết khiếu kiện thuộc thẩm quyền của Toà án cấp huyện.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.2. Khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

❖ Quyền khởi kiện

- **Người khởi kiện:** Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.2. Khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

❖ Quyền khởi kiện

- *Trường hợp khởi kiện:*
 - + Không đồng ý với quyết định, hành vi đó hoặc
 - + Đã khiếu nại với người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, nhưng hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc
 - + Đã được giải quyết, nhưng không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi đó.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.2. Khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

❖ Quyền khởi kiện

- *Trường hợp khởi kiện:*
- + Đối quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh: khởi kiện khi không đồng ý với quyết định đó.
- + Đối với danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân: khởi kiện khi đã khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, nhưng hết thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật mà khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết, nhưng không đồng ý với cách giải quyết khiếu nại.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.2. Khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

❖ Thời hiệu khởi kiện

- Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.



4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.2. Khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

❖ **Thời hiệu khởi kiện** đối với từng trường hợp như sau (Điều 116):

- **01 năm**, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc;
- **30 ngày**, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.2. Khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

❖ Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp như sau (Điều 116):

- *Từ ngày nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri* hoặc kết thúc thời hạn giải quyết khiếu nại mà không nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri đến trước ngày bầu cử 05 ngày.
- Trường hợp vì *sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác*: làm cho người khởi kiện không khởi kiện được trong thời hạn quy thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hiệu khởi kiện.

4.5. Tổ tụng hành chính

4.5.3. Các giai đoạn giải quyết vụ án hành chính

- Thụ lý vụ án
- Xét xử sơ thẩm: chuẩn bị xét xử, phiên tòa sơ thẩm
- Xét xử phúc thẩm
- Giám đốc thẩm, tái thẩm, xem lại quyết định của HĐTP TANDTC

Câu 1. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính là phương pháp nào?

- a. Phương pháp mệnh lệnh.
- b. Phương pháp quyền uy.
- c. Phương pháp bình đẳng – thỏa thuận.
- d. Cả a, b, c đều đúng

Câu 2. Chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính bao gồm:

- a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- b. Cá nhân tổ chức không mang quyền lực nhà nước.
- c. Cá nhân, cơ quan, tổ chức không thuộc bộ máy nhà nước nhưng được nhà nước uỷ quyền thực hiện những công việc quản lý xã hội.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 3. Yếu tố nào sau đây KHÔNG thuộc mặt chủ quan của vi phạm hành chính?

- a. Lỗi.
- b. Động cơ.
- c. Mục đích.
- d. Thời gian, địa điểm thực hiện hành vi vi phạm.

Câu 4. Hình thức nào sau đây là hình thức xử phạt vi phạm hành chính?

- a. Cải tạo không giam giữ.
- b. Nhắc nhở.
- c. Cảnh cáo.
- d. Đưa vào trường giáo dưỡng.

Câu 5. Theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính, người từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính đối với mọi trường hợp?

- a. 14
- b. 15
- c. 16
- d. 18

Câu 6. A (15 tuổi) có thể bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp nào sau đây?

- a. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính với lỗi cố ý.
- b. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính với lỗi vô ý.
- c. Chỉ cần có hành vi vi phạm hành chính mà không phân biệt hình thức lỗi.
- d. A bị xử phạt vi phạm hành chính trong mọi trường hợp.

Câu 7. A (sinh ngày 01/01/2009), B (sinh ngày 20/6/2007). Ngày 30/8/2023, nhân lúc bà C đi du lịch cùng gia đình nên A và B cùng lẻn vào nhà bà C lấy trộm số tiền 1.500.000 đồng. Hành vi của A và B sau đó đã bị phát hiện. Trong trường hợp này, ai bị xử phạt hành chính đối với hành vi trộm cắp nêu trên?

- a. A.
- b. B.
- c. Cả A và B.
- d. A và B đều không bị xử phạt hành chính.

Câu 8. Biện pháp nào sau đây KHÔNG là biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc

xử phạt vi phạm hành chính?

- a. Tạm giữ người.
- b. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
- c. Trục xuất.
- d. Khám người.